

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022



Hà Nội, tháng 10 năm 2022

## **MỤC LỤC**

### **NỘI DUNG**

### **TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 – 03

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2022

Bảng cân đối kế toán

04 - 05

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

06

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

07

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

08 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 18 ngày 04/10/2022 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng, sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện....

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

### **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Từ 27/05/2019
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Từ ngày 22/06/2022
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Từ ngày 22/06/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Từ 01/07/2022
---------------------	----------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
  
**Đặng Việt Thắng**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>172,009,985,990</b>	<b>116,157,084,897</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>47,249,014,254</b>	<b>2,366,723,070</b>
1. Tiền			47,249,014,254	2,366,723,070
- Tiền mặt tại quỹ	111		225,008,453	553,183,216
- Tiền gửi ngân hàng	112		47,024,005,801	1,813,539,854
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>39,713</b>	<b>39,713</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	35,799,713	35,799,713
- Cổ phiếu			35,799,713	35,799,713
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(35,760,000)	(35,760,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38,286,088,283</b>	<b>50,762,713,241</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	-	900,300,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32,279,088,283	49,829,792,543
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6,007,000,000	32,620,698
- Tạm ứng			-	7,620,698
- Phải thu ngắn hạn khác			6,007,000,000	25,000,000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>86,270,311,701</b>	<b>62,886,554,046</b>
1. Hàng tồn kho	141		86,270,311,701	62,886,554,046
- Hàng hoá			86,270,311,701	62,886,554,046
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>204,532,039</b>	<b>141,054,827</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	11,388,869
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		204,532,039	129,665,958
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>180,005,644,330</b>	<b>129,758,144,330</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,347,500,000</b>	<b>1,540,000,000</b>
1. Tài sản cố định vô hình	224		1,347,500,000	1,540,000,000
- Nguyên giá	225		1,540,000,000	1,540,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(192,500,000)	-
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>8,935,665,865</b>	<b>8,935,665,865</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241		8,935,665,865	8,935,665,865
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>169,722,478,465</b>	<b>119,282,478,465</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		170,008,000,000	119,568,000,000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(285,521,535)	(285,521,535)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>352,015,630,320</b>	<b>245,915,229,227</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3,825,815,202</b>	<b>663,288,370</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3,825,815,202</b>	<b>663,288,370</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	275,072,000	170,000,000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,247,000,000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	20,693,840	215,886,989
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp			-	188,328,080
- Thuế Thu nhập cá nhân			-	27,558,909
6. Phải trả người lao động	314		212,924,417	209,975,174
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		25,031,989	22,333,251
- Bảo hiểm xã hội			-	4,776,525
- Bảo hiểm y tế			-	851,292
- Bảo hiểm thất nghiệp			-	189,176
- Các khoản phải trả, phải nộp khác			-	16,516,258
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45,092,956	45,092,956
- Quỹ khen thưởng			-	3,642,758
- Quỹ phúc lợi			-	41,450,198
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>348,189,815,118</b>	<b>245,251,940,857</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>348,189,815,118</b>	<b>245,251,940,857</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		296,999,910,000	197,999,940,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		296,999,910,000	197,999,940,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18,918,962,963	18,956,000,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		195,900,595	195,900,595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32,075,041,560	28,100,100,262
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		28,100,100,262	9,156,232,361
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,974,941,298	18,943,867,901
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>352,015,630,320</b>	<b>245,915,229,227</b>

Người lập biểu



Vũ Thị Liên

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngọc



Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, P. Minh Khai  
Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý III.2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III.22	Quý III.21	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	4,575,000,000	-	9,710,600,000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	4,575,000,000	-	9,710,600,000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	2,928,000,000	-	8,827,707,660
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			1,647,000,000		882,892,340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,000,655,714	24,940	6,000,791,259	17,421,187,765
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	-	-	1,224,901,912
8. Chi phí bán hàng	25		342,000,000	-	342,000,000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	549,336,612	480,197,284	1,675,218,508	1,278,022,100
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,109,319,102	1,166,827,656	3,983,572,751	15,801,156,093
11. Thu nhập khác	31		-	-	497,086	3,022,544
12. Chi phí khác	32	VI.6	8,369,787	42,215,928	9,128,539	8,464,960
13. Lợi nhuận khác	40		(8,369,787)	(42,215,928)	(8,631,453)	(5,442,416)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,100,949,315	1,124,611,728	3,974,941,298	15,795,713,677
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,100,949,315	1,124,611,728	3,974,941,298	15,795,713,677
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	37	57	13	798

Người lập biểu



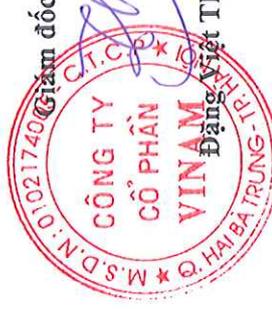
Vũ Thị Liên

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngọc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, P.Minh Khai  
Q. Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Quý III.2022**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4,148,091,259	27,766,685,059
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(26,459,592,120)	(172,966,830,871)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(859,765,699)	(1,059,733,294)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.9	(188,328,080)	(707,693,411)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20,012,708,337	83,429,115,000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(335,792,513)	(2,236,348,868)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(3,682,678,816)</b>	<b>(65,774,806,385)</b>
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(41,000,000,000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	56,000,000,000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(50,440,000,000)	(65,028,000,000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,000,000	13,699,914,694
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(50,435,000,000)</b>	<b>(36,328,085,306)</b>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		98,999,970,000	99,000,000,000
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>98,999,970,000</b>	<b>99,000,000,000</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		44,882,291,184	(3,102,891,691)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,366,723,070	4,128,221,379
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	47,249,014,254	1,025,329,688

Người lập biểu

Vũ Thị Liên

Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngọc



Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 18 ngày 04/10/2022 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty tại thời điểm công bố báo cáo này là 296.999.910.000 đồng, được chia làm 29.699.991 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, P.Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện.....

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số các Công ty con sở hữu trực tiếp: 7

**Danh sách các Công ty con sở hữu trực tiếp:**

<b>Tên</b>	<b>Ngành hoạt động chính</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học	Bán máy móc thiết bị, nông lâm sản ; hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế.	4.800.000.000	100%
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.	50.000.000.000	99,674%
Công ty TNHH Vinam Vững Ang	Hoạt động chính là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh chế biến bảo quản thực phẩm.	20.000.000.000	100%
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.	47.868.000.000	81%
Công ty cổ phần Công Nghệ Cao G7	Hoạt động chính là sản xuất kinh doanh chế biến thuốc dược phẩm thực phẩm chức năng các loại.	50.000.000.000	99%
Công ty cổ phần Phòng Khám Ba Đình	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	5.000.000.000	98%
Công ty cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam	Lập trình máy vi tính	30.000.000.000	98%

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư**

Chứng khoán kinh doanh : Là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và xác định được giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Các khoản giảm trừ doanh thu*

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**16. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**17. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/09/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	225,008,453	553,183,216
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47,024,005,801	1,813,539,854
	<u><u>47,249,014,254</u></u>	<u><u>2,366,723,070</u></u>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**  
**a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
		Dự phòng		Dự phòng
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>35.799.713</b>	<b>39.713</b>	<b>35.799.713</b>	<b>39.713</b>
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP)	35.799.713	39.713 (35.760.000)	35.799.713	39.713 (35.760.000)

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/09/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
		Giá trị vốn góp		Giá trị vốn góp
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>179.008.000.000</b>		<b>119.568.000.000</b>
Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học	100%	4.800.000.000	100%	4.800.000.000
Công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hà Long Tokyo	99.674%	49.940.000.000	99%	18.368.000.000
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng	100%	20.000.000.000	100%	20.000.000.000
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	81 %	47.868.000.000	70 %	21.000.000.000
Công ty cổ phần công nghệ cao G7	99%	49.000.000.000	98%	49.000.000.000
Công ty cổ phần Phòng khám Ba Đình	98%	4.900.000.000	98%	4.900.000.000
Công ty cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam	98%	2.500.000.000	98%	1.500.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**3. Phải thu khách hàng**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên (i)	29,747,292,543	29,747,292,543
Công ty TNHH Vinam Vững Áng (ii)	-	20,000,000,000
Hoyo Co.,Ltd	2,218,795,740	-
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ THIẾT BỊ Y TẾ KIẾN TẠO	198,000,000	-
Công ty TNHH Hăng kiểm toán và định giá ASCO	95,000,000	-
Trả trước khác	20,000,000	82,500,000
	<b>32,279,088,283</b>	<b>49,829,792,543</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
Phải thu khác	6.007.000.000	32.620.698
<b>Cộng</b>	<b>6.007.000.000</b>	<b>32.620.698</b>

**6. Hàng tồn kho**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	-
Hàng hoá	82.270.311.701	62.886.554.046
<b>Cộng</b>	<b>82.270.311.701</b>	<b>62.886.554.046</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lắp đặt hệ thống Pacs BV An Giang	2.845.162.035	2.845.162.035
Lắp đặt hệ thống Pacs BV Tân Châu	6.090.503.830	6.090.503.830
<b>Cộng</b>	<b>8.935.665.865</b>	<b>8.935.665.865</b>

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Leopard	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SAO VIỆT	179.550.000	179.550.000		
Phải trả các đối tượng khác	45.522.000	45.522.000	120.000.000	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>275.072.000</b>	<b>275.072.000</b>	<b>170.000.000</b>	<b>170.000.000</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế phải nộp	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/09/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	188.328.080	-	188.328.080	20.693.840
Thuế thu nhập cá nhân	27.558.909	47.236.994	54.102.063	
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>215.886.989</b>	<b>51.236.994</b>	<b>246.430.143</b>	<b>20.693.840</b>

**10. Vốn chủ sở hữu**

**a Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021 VND
Tổng vốn đầu tư của chủ đầu tư	296.999.910.000	197.999.940.000
Vốn góp đầu năm	115.499.940.000	115.499.940.000
Vốn góp tăng trong kỳ	181.499.970.000	82.500.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	-	-

**b Cổ phiếu**

	30/09/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.699.991	19.799.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.699.991	19.799.994

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

- Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	19.799.994
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.699.991	19.799.994
- Cổ phiếu phổ thông	29.699.991	19.799.994
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**a.Doanh thu**

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
- Doanh thu bán hàng	-	4.575.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.575.000.000</b>

**b. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
- Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Giá vốn hàng bán	-	2.928.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.928.000.000</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		29.940
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.000.655.714	-
Lãi bán cổ phiếu	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b>2.000.052.682</b>	<b>29.940</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND</b>	<b>Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND</b>
Lãi tiền vay	-	-
Lỗ bán cổ phiếu	-	-
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND</b>	<b>Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND</b>
Chi phí bán hàng	342.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>342.000.000</b>	<b>-</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND</b>	<b>Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND</b>
Chi phí lương, bảo hiểm	358.518.294	350.143.171
Chi phí vật liệu quản lý	1.681.609	-
Chi phí khấu hao TSCD	64.166.667	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.970.042	124.820.250
Chi phí đồ dùng văn phòng, khác	0	5.233.863
<b>Cộng</b>	<b>549.336.612</b>	<b>480.197.284</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND</b>	<b>Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND</b>
Chi phí khác	8.369.787	42.215.928
<b>Cộng</b>	<b>8.369.787</b>	<b>42.215.928</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Thu nhập khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu**

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	1.100.949.315	1.124.611.729
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	26.999.991	19.799.994
Lãi trên cổ phiếu	41	57

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 VND	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND
Thu nhập của Ban giám đốc	75.000.000	75.000.000

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và các số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ này là số liệu trên Báo cáo Quý II năm 2021 do Công ty tự lập.

Người lập biểu

Vũ Thị Liên

Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngọc



Đặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022